

Hai dòng họ Lý vượt biển tới Triều Tiên thế kỉ 12-13

Tác giả : Trần Vinh



Vị trí nước ta khá xa nước Cao Ly (*Triều Tiên và Đại Hàn ngày nay*), nhưng cùng chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa rất sâu sắc, nhất là về văn tự và nền đạo đức Khổng Mạnh. Cũng vì ‘thiên triều’ Trung Hoa là trung tâm các phiên quốc phải quy về, cho nên sứ giả nước Việt đã từng gặp gỡ sứ giả Cao Ly. Chuyện kể học giả kiệt xuất Lê quý Đôn thi đậu tiến sĩ, làm quan đời vua Lê Hiến Tông ; năm 1760-1762, ông đi sứ Tàu, đã cùng các danh sĩ Tàu và sứ thần các nước Nhật Bản, Cao Ly xướng họa và được họ khâm phục.

Riêng vị sứ thần Cao Li là trạng nguyên Hồng Khải Hi đã tặng quan sứ nước Việt một chiếc quạt và một bài thơ. Trạng nguyên Lê Quý Đôn làm thơ tặng lại :

Tản Viên khái tự Tùng sơn tú,
Áp Lục ung đồng Nội thủy trường . . .

(Núi Tùng của Cao Li và núi Tản Viên nước Việt cùng khoe sắc. Sông Áp Lục của Cao li và sông Nhị Hà nước Việt cùng nổi dài . . .).

Trạng nguyên Hồng Khải Hi còn đề tựa cho bộ sách Quần Thư Khảo Biên của Lê Quý Đôn như sau : ‘Chọn lấy trong thư tịch các đời mà khảo đính, biện luận trên dưới vài nghìn năm, cái được cái mất, ai được ai thua, như thế này thì an, không như thế này thì nguy, không điều nào là không soi xét và tính đến ; lật đổ những xét đoán đã định trước đây cũng có, phê phán những

kể thừa tiếp sai lầm cũng có, cách Lý giải tinh diệu tràn đầy trên giấy mực . .

Đến sau này, vào những năm cao điểm của cuộc chiến Việt Nam 1966-1970, có 2 sư đoàn của Nam Hàn sang tham chiến ở miền Trung Việt Nam. Đó là sư đoàn Mãnh Hồ và sư đoàn Bạch Mã. (Danh hiệu sư đoàn Bạch Mã có liên quan tới một nhân vật trong lịch sử Việt Nam và Cao Li, như sẽ thấy trong bài này). Đương nhiên đã xảy ra hàng trăm cuộc hôn nhân giữa những chiến binh Đại Hàn và những cô gái Việt. Do đó ngay từ hồi thập niên 1970, nhiều cô gái Việt đã theo chồng về làm dâu bên Đại Hàn rồi.

Ngày nay, từ thập niên 1980, khi kinh tế bắt đầu ‘mở cửa’, con rồng Nam Hàn đã tràn vào làm ăn lớn ở Việt Nam. Họ đến làm ăn nhưng cũng đã mang theo cả những sản phẩm văn hóa, nhất là phim ảnh. Người Việt bây giờ chẳng còn xa lạ gì với con người và đất nước Đại Hàn nữa.

Với những chuyện kể trên, chỉ là những diễn biến bình thường xảy ra giữa hai quốc gia, không có điều chi mới lạ !

Sự thực không phải thế. Ẩn nấp dưới dòng lịch sử lạnh lùng, đã phát hiện câu chuyện kì thú về hai vị hoàng tử triều nhà Lý Việt Nam là ‘thuyền nhân’ tị nạn, phiêu bạt tới nước Cao li mãi hồi thế kỉ 12, 13 !

Trước 30 tháng 4 năm 1975, chúng tôi có dịp quen biết 2 sinh viên Đại Hàn sang học tại Đại học Sài Gòn với học bổng của Cơ quan Nghiên Cứu Văn Hóa Á Châu: một tên là Kim học văn học Việt Nam. Anh tâm sự học không hiểu mấy, nhất là môn chánh tả Việt ngữ của Giáo sư Lê Ngọc Trụ cho nên anh đang mua sách vở và chuẩn bị về nước. Người thứ hai là chị Lee. Chị nhận giáo sư Nghiêm Thẩm đỡ đầu luận văn cao học sử với đề tài So Sánh Hậu Quả Việc Cấm Đạo Giữa Đại Hàn Và Việt Nam. Chị Lee đọc đã lâu ở thư viện Hội Nghiên Cứu Đông Dương (trong khuôn viên Thảo Cầm Viên Sài Gòn) mà chưa viết gì. Chúng tôi làm quen và biết chị đang lúng túng về đề tài, cho nên đã thử đề nghị với chị xin Giáo sư Nghiêm Thẩm đổi đề tài thành So Sánh Việc Cấm Đạo Giữa Việt Nam Và Đại Hàn (không tự hạn chế quá chặt chẽ vào hậu quả của việc cấm đạo) để đề tài mở rộng hơn, dễ viết hơn. Chị đã làm như vậy và rất hài lòng. Từ đó chúng tôi trở nên thân hơn. Chị thành thật nói ở cư xá Thanh Quan các chị sinh viên Việt Nam ăn ít quá khiến chị mắc cỡ không dám ăn nhiều, nên cứ phải sang tiệm New Seoul ở đường Kỳ Đồng để ăn thêm ! Rồi tình cờ một hôm chị nói chị là hậu duệ dòng họ Lý Việt Nam ! Lúc đó chúng tôi rất ngạc nhiên nhưng phần vì đang chú tâm vào một công việc, phần vì ‘tối dạ’ nên đã không hỏi chị cho ra câu chuyện đằng hoàng mà chỉ kê lại với Giáo sư Nghiêm Thẩm. Giáo sư đã biết chuyện này cho nên ông thân nhiên bảo chính ông được Trung tướng Phạm Xuân Chiểu, hồi sang làm đại sứ bên Hàn quốc, nhờ làm cố vấn quay một cuốn phim tài liệu, nói về mối quan hệ Việt-Hàn từ thế kỉ 12, 13 tới ngày nay, nhưng vì tình hình chuyển biến luôn nên chưa thực hiện được.

Không ngờ trong lịch sử nước ta lại có những chuyện li kì đến thế ! Quả đây là câu chuyện lịch sử lí thú, ít ai biết tới.

Thế rồi tình hình miền Nam sang đầu năm 1975 biến chuyển mau lẹ và sụp đổ tất cả . . . Mãi tới thập niên 1990, chúng tôi mừng rỡ được đọc vài bài có nhắc tới họ Lý Việt Nam tại Đại Hàn.

Trước hết, trong bài Niềm Hãnh Diện Chung viết tháng 9 năm 1988, nhà văn Trà Lũ kể sơ qua chuyện hoàng tử Lý Long Tường cùng những người trong hoàng tộc nhà Lý đã vượt biên sang Cao Li năm 1226 để trốn thoát bàn tay của thái sư Trần Thủ Độ. Nhưng nhà văn Trà Lũ cho rằng hoàng tử Lý Long Tường đã đổ bộ lên tỉnh Phu San miền cực Nam của Cao Li. Rồi vì sau có công chống quân Mông Cổ cho nên hoàng tử được vua Cao Li trọng đãi. Khi mất, vua cho dựng tượng đồng, đề là Bạch Mã Tướng Công, anh hùng dân tộc đuổi giặc Mông Cổ. (Trà Lũ. Miền Đất Hạnh Phúc. Việt Pub.. 1989, trang 170).

Sau đó, trong cuốn Việt Nam Huyết Lộ Sử, do Đồng Hường xuất bản năm 1996, các trang 866-869, tác giả Cao Thế Dung cũng kể chuyện hoàng tử Lý Long Tường vượt biên ‘đến một miền ven biển giá lạnh sau này là Lý Hoa Trang hay Lý Hoa Sơn, vua Triều Tiên cho định cư tại đây’. Tác giả chưa biết là có tới 2 đoàn người Việt họ Lý vượt biên sang tị nạn tại Cao Li với nguyên do khác nhau, một giạt vào bờ biển phía Nam, một giạt vào bờ biển phía Bắc nước này và cách nhau tới 76 năm. Cả hai tác giả Trà Lũ và Cao Thế Dung kể chuyện mà không cho biết đã căn cứ vào đâu.

Còn bài Trang Sử Bị Bỏ Quên của Trần Đình Sơn đăng trên báo Người Việt số ra ngày 02 tháng 02 năm 2002, kể chuyện hoàng tử Lý Long Tường đưa 3 thuyền buồm lớn vượt biển: một chiếc giạt vào lãnh thổ Trung Hoa, 2 chiếc còn lại ‘dạt đến tận tỉnh Pusan miền Nam nước Cao Ly’. Tác giả cho biết ông kể chuyện căn cứ vào sử liệu do một sinh viên Đại Hàn du học tại Luân Đôn cung cấp, vào lịch sử triều nhà Lý, vào lời của các nhân chứng từng viếng thăm các di tích lịch sử và các bài báo. Thế nhưng tác giả Trần Đình Sơn cũng chỉ biết có một chuyến vượt biên và đã lẫn lộn chuyến vượt biên thứ nhất vào năm 1150 của hoàng tử Kiến Hải vương Lý Dương Côn với chuyến vượt biên thứ hai vào năm 1226 của Kiến Bình vương Lý Long Tường. Trần Đình Sơn không đếm xỉa gì tới sự mâu thuẫn lộ liễu về địa dư nước Cao Li. Nước Cao Li là một bán đảo dài, chỉ có miền Bắc tiếp giáp với lục địa. Khi xâm lăng Cao Li, bộ binh Mông Cổ đã vượt qua biên giới phía Bắc, đánh lần xuống kinh đô nằm bên sông Han ở phía Tây Trung bộ nước Cao Li. Không thể lẫn lộn mặt trận vùng núi Hoa Sơn thuộc vùng này với lãnh thổ tỉnh Pusan nằm mãi dưới cực Đông Nam Cao Li. Hơn nữa, tại sao tác giả Trần Đình Sơn lại quả quyết năm 1226 là năm vượt biên mà ‘Hoàng tử Lý Long Tường đang còn ở tuổi niên thiếu’ ? Thực sự vị hoàng tử này sanh năm 1174, Giáp Ngọ, niên hiệu Chính long Bảo ứng. Năm vượt biên 1226, hoàng tử đã được 52 tuổi.

Điểm lại, chỉ có bài viết của Bác sĩ Trần Đại Sỹ trên Văn Nghệ Tiền Phong số 560 mới cho biết rõ ràng hơn về sự kiện lịch sử này với nhiều chi tiết và bằng chứng cụ thể.

Vào thời thịnh trị của nền Đệ Nhất Cộng Hòa, Tổng thống Đại Hàn là Lý Thừa Vãn đã viếng thăm chính thức Việt Nam Cộng Hòa ngày 6 tháng 11 năm 1958 để đáp lễ chuyến viếng thăm Hàn quốc của tổng thống Ngô Đình Diệm năm trước vào ngày 17 tháng 9 năm 1957. Nhân dịp này, Lý Tổng thống đã nhận tổ tiên của ông là người Việt Nam, ông còn nhờ Ngô tổng thống tìm hậu duệ họ Lý và tổng thống Ngô Đình Diệm đã cử thẩm phán Lý Quốc Sinh qua Nam Hàn để tìm dòng dõi họ Lý Việt Nam.

Chính vì sự việc đáng ngạc nhiên này mà sinh viên y khoa Trần Đại Sỹ, lúc đó 19 tuổi, đã viết thư hỏi thăm sứ quán Nam Hàn ở Sài Gòn để biết thêm tin tức. Hơn một tháng sau, sứ quán đã trả lời : ‘Tổng thống Lý Thừa Vãn là hậu duệ đời thứ 25 của Kiến Bình Vương Lý Long Tường. Kiến Bình Vương là con thứ 6 của vua Lý Anh Tông. Người cùng tông tộc sang Cao Ly vào đầu thế kỷ thứ 13 vì quốc nạn’.

Ngay năm sau, 1959, sinh viên Trần Đại Sỹ tình cờ tìm thấy Tập san Sử Địa của Nhật Bản, số 2 ra năm 1941 để tại thư viện Paris có lời Bạt về nguyên tổ họ Lý ở Đại Hàn như sau: ‘Năm Bính Tuất, 1226, bấy giờ là niên hiệu Kiến Trung thứ nhì đời vua Thái tôn nhà Trần. Biết mình là con thứ sáu của vua Lý Anh tông, lại đang giữ chức đô đốc, tư lệnh hải quân, trước sau cũng bị Trần Thủ Độ hãm hại, nên ông đã đem tướng sĩ dưới quyền, tông tộc, cùng hạm đội ra đi, sau đó trôi dạt vào Cao li’.

Hơn 20 năm sau, năm 1980, nhân chuyến đi dự hội nghị y khoa tại Hàng Châu (Trung Hoa) trong phái đoàn của nước Pháp, cũng chính Bác sĩ Trần Đại Sỹ đã có duyên được gặp 2 nữ bác sĩ đến từ Bắc Hàn, đó là Bác sĩ Lý Chiêu Minh quê ở Hùng Xuyên (Hunchon) và Bác sĩ Lý Diệp Oanh quê ở Thuận Xuyên (Sunchon). Hai nữ bác sĩ Bắc Hàn này đều tự nhận là hậu duệ của Kiến Bình Vương Lý Long Tường đến từ Việt Nam vào thế kỉ 13. Nhìn nhận nhau vốn là ‘đồng bào’ cả ba trở nên thân thiết. Chiêu Minh và Diệp Oanh đã mời Bác sĩ Trần Đại Sỹ, nhân tiện, đi thăm Bắc Hàn. Nhờ có giấy thông hành Pháp và danh nghĩa đi nghiên cứu nhân sâm, bác sĩ họ Trần dễ dàng được chấp nhận nhập cảnh và được sứ quán Pháp cung cấp đủ mọi phương tiện.

Tại Hùng Xuyên cũng như tại Thuận Xuyên các chi họ Lý gốc gác Việt Nam đã xin phép chính quyền để tụ họp nghe bác sĩ Trần Đại Sỹ kể chuyện lịch sử thời nhà Lý (Ông dùng tiếng Quan thoại, Chiêu Minh và Diệp Oanh phiên dịch). Có cuộc hội họp đông tới 700 người.

Bác sĩ Diệp Oanh đã hướng dẫn Bác sĩ Trần Đại Sỹ đi thăm những vùng đất thiêng liêng và những di tích hiện còn được bảo tồn kỹ lưỡng, như: cửa biển Phú Lương Giang nơi hạm đội của Kiến Bình Vương cập bến năm xưa, miền đất Ung Tân nơi họ Lý được định cư đầu tiên, lăng ngài Kiến Bình Vương trên ngọn đồi Juhang thuộc xã Đổ Môn (Tômơ ki) và Vọng Quốc Đài trên Quảng Đại Sơn nơi Vương lên đó để hướng vọng cố quốc.

Các chi tộc còn đưa gia phả viết bằng chữ Nho tới để hỏi han thêm về những chi tiết chưa rõ. Trong gia phả họ Lý ở Thuận Xuyên có đôi câu đối

như sau :

Thập bát anh hùng giai Phù Đổng,

Tam thiên nữ kiệt tỳ Mê Linh

Câu thứ nhất vinh danh 18 vị tướng đời vua Lý Nhân Tông đã hi sinh trong chiến tranh vệ quốc chống quân nhà Tống. Câu thứ hai vinh danh 3000 nữ chiến sĩ dưới quyền nữ tướng Thiên Ninh công chúa (tức Bà Chúa Kho) đã anh dũng chống lại quân nhà Tống dưới quyền 2 danh tướng Quách Quỳ và Triệu Tiết.

Tới năm 1983, Bs. Trần Đại Sỹ đi Nam Hàn, ông nhận thấy tại đây dòng họ Lý gốc Việt không đông như ở miền Bắc. Hầu như không tìm thấy dấu vết nào về cuộc vượt biên của Kiến Bình Vương Lý Long Tường ở đây, bởi vì hoàng tử Lý Long Tường đã dạt vào bờ biển miền Bắc Cao li, chứ không phải ở miền Nam. Nhưng chính tại đây ông đã may mắn khám phá ra thêm một sự kiện lịch sử li kì, đó là có một dòng họ Lý Việt Nam khác nữa cũng đã vượt biển sang đây tị nạn. Người đầu tiên cho ông biết sự việc lạ lùng này là ông Lý Gia Trung. Ông Lý Gia Trung xác nhận gốc gác mình là người Việt, tổ tiên là Kiến Hải Vương Lý Dương Côn, ông không phải là dòng dõi Kiến Bình Vương Lý Long Tường.

Lời xác nhận của ông Lý Gia Trung đã được khám phá của giáo sư Phiến Hoảng Cơ hỗ trợ.

Cuối năm 1996, Gs. Phiến Hoảng Cơ (Pyon Hong Ke), nhà nghiên cứu phá hệ nổi tiếng ở Nam Hàn, sau khi nghiên cứu gia phả mang tên Tinh Thiện Lý Thị Tộc Phả được lưu trữ tại thư viện quốc gia Hán Thành rồi phối hợp với bộ sử Cao Li, đã công bố phát hiện dòng họ Lý gốc Việt Nam thứ hai tại Đại Hàn. Theo Giáo sư, dòng họ Lý tại Tinh Thiện, thuộc đạo Giang Nguyên, phía Đông Nam Đại Hàn ngày nay là con cháu của hoàng tử Lý Dương Côn thuộc triều Lý Việt Nam (1010-1225). Lý Dương Côn hiệu là Nguyên Minh, hoàng tử thứ ba, con vua Càn Đức, ra đi vì sự đe dọa của nước Kim đối với nước Tống vào năm 1115. Giáo sư Phiến Hoảng Cơ cho rằng hậu duệ đời thứ 6 của hoàng tử Lý Dương Côn là Lý Nghĩa Mẫn (Lee Unimin) từng đảm trách những chức vụ quan trọng trong lịch sử Cao Li. Thời vua Nghị Tông (Uijong 1146-1170) Lý Nghĩa Mẫn được phong chức Biệt tướng. Vua Minh Tông (Mycong 1170-1179) thăng cho ông là Thượng tướng quân (1174), là Tây Bắc Bộ binh Mã sứ (1178) và chức Tể tướng trong suốt 14 năm (1183-1196). Tới năm 1196, tướng Thôi Chung Hiếu (Cho Chung Heon) làm chính biến đã giết cha con tể tướng Lý Nghĩa Mẫn. Sở dĩ dòng họ Lý Việt Nam này còn tồn tại tới nay là nhờ người anh trai của tể tướng Lý Nghĩa Mẫn và gia đình được thoát nạn.

Về thành tích sáng chói của nhân vật Lý Nghĩa Mẫn trong lịch sử nước Cao Li chúng ta không thể có ý kiến gì khác. Song có đôi điều thuộc gia phả chưa sáng tỏ. Thứ nhất, Giáo sư Phiến Hoảng Cơ cho rằng hoàng tử Lý Dương Côn vượt biển tị nạn vì nước Kim xâm lược nước Tống vào năm 1115 là điều khó hiểu. Hoàng tử Lý Dương Côn là người Đại Việt, nếu nước Kim

có xâm lăng nước Tống thì còn cách quá xa nước Đại Việt, tại sao Lý hoàng tử lại phải vượt biên đi tị nạn. Và lại nếu nói thời điểm đi tị nạn là năm 1115 là rơi đúng vào thời thịnh trị của vua Lý Nhân Tông (1072-1127), lúc đó binh lực nước ta rất hùng mạnh. Năm 1075, anh hùng Lý Thường Kiệt cùng danh tướng Tôn Đản vâng mệnh đưa trên 10 vạn tinh binh đánh sang châu Khâm, châu Liêm (Quảng Đông, Quảng Tây) trong sách lược ‘tiên hạ thủ vi cường’ của triều đình nhà Lý để đập tan ý đồ xâm lăng Đại Việt của triều nhà Tống bên Trung Hoa. Vì thế, lại càng không có Lý do để mà phải đi tị nạn xâm lăng.

Điều chưa sáng tỏ thứ hai là việc gia phả nói danh nhân Lý Nghĩa Mẫn là hậu duệ đời thứ sáu của hoàng tử Lý Dương Côn, được vua Nghị Tông (Ui-jiong) phong chức Biệt trưởng vào năm 1170 xem ra có sự nhầm lẫn. Bởi vì theo sử Việt, năm 1117 vua Lý Nhân Tông nhận 5 đứa cháu, con của 5 người em, làm con nuôi và chọn cháu Dương Hoán lên 2 tuổi, con người em là Sùng Hiền hầu, làm hoàng thái tử, còn 4 cháu con của 4 người em khác được phong làm thái tử, trong đó người cháu thái tử thứ 3 chính là hoàng tử Lý Dương Côn. Chắc là hoàng tử Lý Dương Côn chỉ ngang hoặc kém hoàng thái tử Lý Dương Hoán (tức là vua Thần Tông 1128-1138) một vài tuổi. Vậy vào năm 1170 khi hậu duệ của ông là Lý Nghĩa Mẫn được vua Nghị Tông (Ui-jiong) phong chức Biệt trưởng bên Cao Li thì chính hoàng tử Lý Dương Côn (nếu còn sống) khoảng 54 tuổi, làm gì đã có hậu duệ 6 đời. Về điểm này, Bs. Trần Đại Sỹ cho rằng danh nhân trong lịch sử Cao Li Lý Nghĩa Mẫn (Lee Unimin) chính là con của hoàng tử Lý Dương Côn và là hậu duệ đời thứ 6 kể từ vua Lý Thái Tổ nhà Lý nước Đại Việt.

(Theo sử Việt, Càn Đức là tên huý của vua Lý Nhân Tông, con trưởng vua Lý Thánh Tông, mẹ là bà Linh Nhân Thái hậu).

Cuộc vượt biên thứ nhất của Hoàng tử Lý Dương Côn

Nạn tranh bá đồ vương chôn cung đình triều Lý là Lý do cuộc vượt biên tị nạn của Kiến hải vương Lý Dương Côn năm 1150.

Lý Dương Côn là con nuôi của vua Lý Nhân Tông, được phong là hoàng tử thứ ba. Thân sinh của Lý Dương Côn là Thành Quảng hầu em ruột vua Lý Nhân Tông. Đại Việt Sử Kí Toàn Thư, Bản kỉ, quyển III viết : ‘Năm Đinh Dậu, Hội Tường Đại Khánh năm thứ 8 (1117). . . Tìm con trai họ tông thất để nuôi ở trong cung. Xuống chiếu rằng : ‘Trẫm cai trị muôn dân mà lâu không có con nối, ngôi báu của thiên hạ biết truyền cho ai ? Vậy nên trẫm nuôi con trai của các hầu Sùng Hiền, Thành Khánh, Thành Quảng, Thành Chiêu, Thành Hưng. Chọn người nào giỏi thì lập làm thái tử. Bấy giờ con Sùng Hiền hầu là Dương Hoán mới lên hai tuổi mà thông minh lanh lợi, vua rất yêu và bèn lập làm hoàng thái tử’.

Truy tìm nguyên do và thời điểm mà hoàng tử Lý Dương Côn vượt biên tị nạn sang Cao Li, chỉ thấy Đại Việt Sử Kí Toàn Thư, Bản Kỉ, Quyển IV ghi lại rằng : Năm 1138, vua Lý Thần Tông băng, thái tử Thiên Tộ lên ngôi, tức là vua Lý Anh Tông, lúc ấy mới có 3 (2 ?) tuổi. Đến năm Canh ngọ 1150, sử chép

: ‘Khi trước vua còn trẻ thơ, chính sự không cứ việc lớn việc nhỏ đều ủy cho Đỗ Anh Vũ cả. Anh Vũ sai vợ là Tô thị ra vào cung cấm hầu hạ Đỗ Thái hậu, do đó mà Anh Vũ tư thông với Lê Thái hậu (lúc đó có 2 bà thái hậu), nhân thế lại càng kiêu . . .’ Trước tình hình ấy, quan Điện tiền đô chỉ huy sứ là Vũ Đái cùng các công thần họp lại bắt Anh Vũ. Lê Thái hậu vì tình riêng đã tìm cách đút lót vàng cho Vũ Đái để nhất thời cứu mạng cho Anh Vũ. Khi vụ án lên tới vua, Anh Vũ bị đày đi cày ruộng. Lê Thái hậu lại âm mưu cho mở nhiều hội hè lớn và mỗi lần nhân có hội lớn thì tội nhân được ân giảm. Nhờ mấy lần giảm án, cuối cùng Anh Vũ ‘lại làm Thái úy phụ chính như cũ, càng được yêu dùng hơn, do đấy chuyên làm oai, làm phúc, sinh sát mà lòng báo thù lúc nào cũng tỏ rõ . . .’ Hậu quả là khắp nơi xảy ra bắt bớ, máu đổ đầu rơi, ngay cả ‘bọn Điện tiền đô chỉ huy sứ Vũ Đái 20 người cũng bị chém bêu đầu ở các bến sông . . .’

Thật vậy, năm 1127, khi vua Lý Nhân Tông qua đời, hoàng thái tử Dương Hoán lên nối ngôi năm 1128, tức là vua Lý Thần Tông. Sau này người em nuôi cũng là em họ của vua Lý Thần Tông là Lý Dương Côn được phong tước Kiến hải vương lãnh chức Đại đô đốc hải quân. Năm 1138, vua Lý Thần Tông qua đời, hoàng thái tử là Thiên Tộ mới lên 2 tuổi, triều đình muốn tôn hoàng tử Lý Dương Côn (khoảng 22 tuổi) lên ngôi. Nhưng mẹ của thái tử Thiên Tộ là Cảm thánh Hoàng hậu (họ Lê) đã đút lót vàng bạc cho các quan, rồi bà liên kết với tình nhân là Đỗ Anh Vũ (Anh Vũ là em của Chiêu Hiếu thái hậu mẹ vua Thần Tông) để đưa hoàng tử Thiên tộ lên ngôi tức là vua Anh Tông (1138-1175). Vua còn thơ ấu, đương nhiên quyền lực nằm trong tay Cảm thánh Hoàng thái hậu. Để củng cố quyền lực bà phải thanh toán mọi nguy cơ có thể xảy tới cho con bà. Vì thế bà cùng Đỗ Anh Vũ thẳng tay sát hại các em nuôi của vua Thần Tông và con của các em vua Nhân Tông cùng toàn thể gia quyến của các vị này. May mắn cho Kiến hải vương Lý Dương Côn đang đóng quân ở Đồ Sơn, thấy tình thế nguy biến, đã đem gia quyến vượt biển tị nạn. Chính Kiến hải vương Lý Dương Côn mới là người tấp vào bờ biển Pusan là một tỉnh cực Đông Nam của nước Cao Li vào năm 1150, chứ không phải là hoàng tử Lý Long Tường.

Cuộc vượt biên thứ hai của Hoàng tử Lý Long Tường năm 1226

Thái sư Trần Thủ Độ tiêu diệt nhà Lý, khai sáng nhà Trần là Lý do cuộc vượt biên tị nạn của hoàng tử Lý Long Tường năm 1226.

Theo các bộ sử Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục và Việt Sử Tiêu Án của Ngô Thời Sĩ thì nhà Trần lấy được thiên hạ từ tay nhà Lý đều do mưu lược của Trần Thủ Độ. Điều đó đúng, song thiên nghĩ vẫn chưa đủ. Sở dĩ Trần Thủ Độ có thể làm được như vậy cũng một phần do các vua cuối triều Lý không còn là những minh quân, đã tỏ ra nhu nhược hoặc đau yếu về thể xác đâu còn đủ sức cáng đáng việc nước. Song đó lại là chuyện khác. Ở đây chỉ nhắc lại sơ lược việc Trần Thủ Độ đã chớp lấy thời cơ để tiêu diệt nhà Lý, giành lấy thiên hạ vào tay nhà Trần khiến cho hoàng tử Lý Long Tường phải liều lĩnh vượt biên tị nạn chính trị.

Năm Giáp thân 1224, vua Lý Huệ tông lập công chúa Phật Kim làm thái tử rồi truyền ngôi cho công Chúa, tức Lý Chiêu Hoàng, sau đó ra tu tại chùa Chân Giáo. Quyền bính nằm trong tay thái hậu Trần Thị Dung và Trần Thủ Độ. Hai người vốn là anh em họ nay lại tư thông với nhau. Tới tháng 10 năm Ất Dậu 1225, Trần Thủ Độ mưu tìm cách cho Lý Chiêu Hoàng thành hôn với cháu ông ta là Trần Cảnh mới lên 8, rồi dàn dựng để Lý Chiêu Hoàng truyền ngôi cho chồng. Đến đây quyền bính chính thức chuyển từ nhà Lý sang tay nhà Trần. Thấy Huệ Tông đang nhỏ cỏ trong sân chùa, Trần Thủ Độ nói bóng gió với Huệ Tông: Nhỏ cỏ phải nhổ tận gốc, rồi tháng 8 năm Bính Tuất 1226, Trần Thủ Độ bức tử nhà vua tại chùa Chân Giáo. Thái hậu Trần Thị Dung bị giáng xuống là Thiên cực công chúa để có thể lấy Trần Thủ Độ làm chồng. Nhằm tận diệt dòng dõi nhà Lý, Trần Thủ Độ thanh trừng tôn thất nhà Lý, gả các cung nhân và con gái nhà Lý cho các tù trưởng sơn cước.

Theo Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim : “Thủ Độ đã hại hết cả dòng dõi nhà Lý, lại muốn cho hậu thế không ai nhớ đến họ Lý nữa mới nhân vì tổ nhà Trần là Lý, bắt trong nước ai là họ Lý đều phải cải là họ Nguyễn’ (Trần Trọng Kim. Việt Nam Sử Lược. Nxb Văn hoá Thông tin, 1999. Trang 126). Một ít năm sau, năm 1232 nhân dịp con cháu nhà Lý còn sót lại tụ họp ở thôn Thái Đường, xã Hoa Lâm để làm lễ cúng tổ tiên, Trần Thủ Độ cho đào hố sâu, dựng nhà lên trên, rồi giật nhà đổ để chôn sống tôn thất nhà Lý. (Hoa Lâm nay là huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh, là hành cung của nhà Lý thuở xưa). Trong bối cảnh chính trị hoàn toàn bất lợi như thế, tôn thất nhà Lý nào còn sống sót đều phải cao bay xa chạy để thoát nạn tận diệt của Trần Thủ Độ, trong đó có hoàng tử Lý Long Tường là con thứ 7 của vua Lý Anh Tông. Hoàng tử Lý Long Tường là chú của vua Huệ Tông, ông chú của Lý Chiêu Hoàng.

Vua Lý Anh Tông (1138-1175) sinh 7 hoàng tử : Long Xưởng, được phong thái tử (1151-1181), Long Minh (1152-1175), Long Đức (1153-1175), Long Hòa (1152-1175), Long Ích (1167-1212), Long Trát (1172-1210). Năm 1174 thái tử Long Xưởng phạm lỗi, bị phế làm thứ dân, thái tử Long Trát được phong đông cung thái tử, tức vua Lý Cao Tông (1176-1210). Hoàng tử thứ 7 là Long Tường.

Theo Trần tộc Vạn thế Ngọc phả của dòng dõi Chiêu quốc vương Trần Ích Tắc để tại từ đường thuộc thị xã Lãnh Thủy, huyện Chiêu Dương, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc mà Bác sĩ Trần Đại Sỹ đã đọc được thì phần nói về hoàng tử Lý Long Tường nguyên văn như sau: ‘Hoàng tử thứ bảy Long Tường do Hiền phi Lê Mỹ Nga, sinh vào niên hiệu Chính long Bảo ứng thứ 12 (DL 1174, Giáp Ngọ). Đức Thái Tông nhà ta (tức Trần Cảnh) phong chức tước như sau: Thái sư Thượng trụ quốc, Khai phủ nghị đồng tam tư, Thượng thư tả bộc xạ, lĩnh đại đô đốc, tước Kiến Bình vương. Niên hiệu Kiến trung thứ nhì đời đức Thái Tông nhà ta (tức Trần Cảnh) tháng tám ngày rằm, vương cùng gia thuộc hơn 6 ngàn người bôn xuất’. (Xin đánh dấu hỏi vào con số 6000 người vượt biên trong hoàn cảnh tháo chạy và với khả năng kỹ thuật tàu bè vào

thế kỉ 13).

Những gì Trần tộc Vạn thế Ngọc phả ghi về hoàng tử Lý Long Tường trên đây không mâu thuẫn với nội dung tường thuật về vị hoàng tử này còn ghi lại trong Tộc phả Lý Hoa Sơn (Địa danh thuộc Bắc Hàn ngày nay) :

Hoàng tử Lý Long Tường là vị thân vương duy nhất của triều nhà Lý còn sót lại với những chức tước địa vị cực cao, nhất là đang nắm thực lực binh quyền (Đại đô đốc hải quân) cho nên hoàng tử đã lo sợ bị Thái sư Trần Thủ Độ ám hại. Buộc lòng hoàng tử phải quyết định vượt biên tị nạn chính trị. Trước khi ra đi, hoàng tử đã bí mật lên về Kinh Bắc, vái lạy tạ biệt lăng miếu Đình Bảng, tới Thái miếu thu gom các bài vị, các đồ tế khí, rồi trở lại Đồ Sơn đem hết tông tộc hơn 6 ngàn người xuống chiến hạm ra đi. Sau hơn một tháng, hạm đội gặp bão, phải tấp vào trú tại đảo Đài Loan. Một con trai của hoàng tử là Lý Đăng Hiền cùng với vợ con ở lại đảo này. Đoàn chiến hạm tiếp tục cuộc vượt biển. Cuối cùng đoàn đã đổ bộ lên cửa Phú Lương Giang, quận Khang Linh (Ong Jin-Gun), tỉnh Hoàng Hải (Hwang hac), thuộc Bắc Cao Li. Vị trí đổ bộ này tên là Nak-nac-wac (Bến của khách phương xa mang theo đồ thờ cúng). Vương được vua Cao Tông (Kojong) cùng quần thần tiếp kiến bằng bút đàm. Sau đó vua ban đồ tiếp tê và cho lập cư ở Ung Tân, phủ Nam Trần Sơn (Chin sang). Vương cùng thân tộc gắng sức mưu sinh, phát huy học tập văn võ.

Năm 1253, quân Mông Cổ xâm lăng Cao Li. Chiến thuyền và Bộ binh Mông Cổ thắng lợi khắp nơi đe dọa kinh đô. Nhiều tướng Cao li đã tử trận. Thấy tình hình bi đát, Kiến Bình vương Lý Long Tường tình nguyện tới yết kiến Thái úy Vi Hiền Khoan đang nắm binh quyền để hiến kế sách binh pháp nước Đại Việt cho ông. Hoàng tử Lý Long Tường thường cỡi con ngựa trắng chỉ huy đơn đốc binh sĩ giữ thành. Sau 5 tháng kháng chiến kiên cường, quân Nguyên Mông phải rút lui. Cao Li mừng chiến thắng. Nhà vua tưởng thưởng hoàng tử Lý Long Tường, phong cho hoàng tử là Hoa Sơn tướng công theo tên núi Hoa Sơn nơi ông cư ngụ. Vua còn cho dựng bia trên núi Hoa Sơn ghi khắc công lao của tướng công. Dích thân nhà vua tặng 3 chữ Thụ Hàng Môn (cửa tiếp nhận sự đầu hàng của giặc).

Ngày nay, lăng mộ hoàng tử Lý Long Tường và con cháu đến 3 đời vẫn còn trên đồi Julbang, xã Đỗ Môn (Tô mơ ki) cách núi Hoa Sơn 10 km về phía Tây. Trên Quảng Đại Sơn vẫn còn Vọng Quốc Đàn là cái đàn hoàng tử thường lên đó để nhìn về phương Nam cố quốc mà ôm mặt khóc. Mỏm đá nơi hoàng tử đặt chân lên đầu tiên có tên là Việt Thanh Nham (tảng đá xanh in dấu vết người Việt). Theo tác giả Trần Đình Sơn trong bài Những Trang Sử Bị Bỏ Quên đã nêu trên đây thì ‘Ngày nay trên đại lộ từ phi trường về thủ đô Hán Thành của Đại Hàn, du khách được chiêm ngưỡng pho tượng Bạch Mã Tướng Công do chính phủ Đại Hàn xây dựng từ thập niên 1960’. Trong chiến tranh Việt Nam, ai cũng biết Đại Hàn đã tham chiến với 2 sư đoàn Mãnh Hồ và sư đoàn Bạch Mã. Sư đoàn Bạch Mã lúc đó do Trung tướng Kim Yong Hui chỉ huy. Sư đoàn đóng ở Nha Trang và Đèo Cả. Không phải ngẫu nhiên chính

phủ Nam Hàn đưa sư đoàn Bạch Mã sang chiến đấu cho tự do tại Việt Nam. Sở dĩ chính phủ mang sư đoàn này sang Việt Nam chắc chắn là để chứng tỏ nước Đại Hàn con nhớ công ơn hoàng tử Lý Long Tường của Việt Nam đã từng chiến đấu bảo vệ nền độc lập của nước Cao Li vào thế kỉ thứ 13, nay để đền đáp, chính phủ Đại Hàn cử sư đoàn Bạch Mã sang chiến đấu cho tự do của Miền Nam Việt Nam.

Theo Bác Trần Đại Sỹ, dòng họ Lý Hoa Sơn nay truyền tới đời thứ 28. Đa số họ Lý Việt Nam cư ngụ ở Bắc Hàn, không có cách chi thống kê được hết. Riêng tại Nam Hàn, dòng họ Lý này chỉ có khoảng 200 hộ (600 người), nhưng hầu hết đều có trình độ văn hoá cao, nắm giữ những chức vụ trọng yếu. Như trên đã nói, cựu tổng thống Nam Hàn Lý Thừa Vãn là hậu duệ đời thứ 25 của hoàng tử Lý Long Tường.

Cho đến bây giờ, hàng năm đến Tết Nguyên đán, hậu duệ Kiến Bình vương Lý Long Tường từ nhiều nơi vẫn tìm về Hoa Sơn làm lễ tế tổ tiên. Năm 1995, đã có hơn 100 con cháu Kiến Bình vương từ Hàn quốc trở về làng Đình Bảng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh để dự hội làng vào ngày 15 tháng 3 Âm lịch.

Thật là cảm động ! Hậu duệ của Kiến Bình vương Lý Long Tường nay đã trở thành người Đại Hàn, không biết nói tiếng nói tổ tiên, nhưng họ vẫn còn giữ được những di vật, những gia phả, hàng năm vẫn tụ về miền đất Hoa Sơn linh thiêng để cử hành nghi lễ cúng giỗ. Họ vẫn biết gốc gác họ từ nước Việt xa xôi. Họ tự hào là hậu duệ dòng họ Lý lẫy lừng trong lịch sử Việt Nam. Khi có dịp họ hãnh diện nhận mình là người Việt (như tổng thống Lý Thừa Vãn, như sinh viên cao học Sử Lee...). Và 769 năm sau (1226-1996) họ đã trở về viếng thăm đất tổ.

Thời đại chúng ta, đâu biết khoa học kĩ thuật ngày nay tiến bộ vượt bậc cho phép thu ngắn không gian và thời gian và nhân loại đang tiến tới toàn cầu hoá. Tuy nhiên tiến bộ khoa học kĩ thuật không thể thay thế được thiện chí, tình cảm thiêng liêng của những tấm lòng gắn bó với quê hương đất nước. Nơi xứ người, đã có biết bao đồng hương đồng bào công hiến những sáng kiến và công sức mong gìn giữ tình tự Việt, chất Việt cho con cháu lớn lên ở hải ngoại. Thật đáng khâm phục. Hi vọng 100 năm sau, 200 năm sau, 300 năm sau . . . lớp hậu duệ vẫn còn biết gốc gác của mình, vẫn hãnh diện nhận mình là người Việt theo gương hậu duệ của ‘thuyền nhân’ Lý Dương Côn và Lý Long Tường thuở xưa.

Nguồn : Advite.com

<http://todinhstudamhaingoi.com/vn/Default.asp?15659=5&596=21&759=5520&59615=4>

www.vietnamvanhien.net